

THÔNG BÁO

Về việc Thay đổi một số giá thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán; Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu

Kính gửi: Các khoa/phòng thuộc Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng

Căn cứ Nghị quyết số 415/NQ-HĐND ngày 28 tháng 04 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 365/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thuộc tỉnh Lâm Đồng quản lý;

Căn cứ công văn số 1680/SYT-NVYD ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Sở y tế về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 415/NQ;

Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng thông báo đến các khoa, phòng thuộc Bệnh viện về việc thay đổi một số giá thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán; Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu (đính kèm phụ lục danh mục giá thay đổi, Nghị quyết số 415/NQ-HĐND);

Giá thu trên được áp dụng từ 0h ngày 28/04/2025.

Kính đề nghị các Khoa/phòng thuộc Bệnh viện có trách nhiệm kiểm tra, phổ biến giá dịch vụ KCB theo Nghị quyết 415/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng được cập nhật trên phần mềm His của Bệnh viện vào lúc **0h ngày 28/4/2025** để toàn thể viên chức, người lao động tại Bệnh viện và bệnh nhân, người nhà bệnh nhân biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCKT, KHTH, VT.

Q.GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC

1. Điều chỉnh giá các dịch vụ đã ban hành trong Nghị quyết số 365/NQ-HĐND

STT	STT theo 365/NQ-HĐND	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo TT số 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ kỹ thuật phê duyệt giá	Giá Nghị quyết 365/NQ-HĐND	Giá thay đổi theo Nghị quyết 415/NQ-HĐND
1	6535	03.1003.2048	Nội soi họng	Nội soi họng	116.100	40.000
2	6536	03.1002.2048	Nội soi mũi	Nội soi mũi	116.100	40.000
3	6538	03.1001.2048	Nội soi tai	Nội soi tai	116.100	40.000
4	3860	10.0455.0449	Cắt đoạn dạ dày	Cắt đoạn dạ dày	8.208.300	5.495.300
5	3861	10.0456.0449	Cắt đoạn dạ dày và mạc nối lớn	Cắt đoạn dạ dày và mạc nối lớn	8.208.300	5.495.300
6	869	13.0200.0071	Bóp bóng ambu, thổi ngạt sơ sinh	Bóp bóng ambu, thổi ngạt sơ sinh	532.500	248.500
7	6873	15.0145.1006	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (bạc nitrat)	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (bạc nitrat)	1.075.700	153.600

- Các dịch vụ kỹ thuật Nội soi tai, nội soi mũi, nội soi họng điều chỉnh ghi chú và tách dịch vụ kỹ thuật chi tiết (Nội soi họng, nội soi mũi, nội soi tai) như giá đề xuất của Bảo hiểm xã hội Việt Nam đề xuất với Bộ Y tế tại Công văn số 4167/BHXXH-CSYT ngày 14/11/2024.

- Các dịch vụ kỹ thuật Cắt đoạn dạ dày; Cắt đoạn dạ dày và mạc nối lớn; Bóp bóng ambu, thổi ngạt sơ sinh điều chỉnh như giá đề xuất của Bảo hiểm xã hội Việt Nam đề xuất với Bộ Y tế tại Công văn số 4167/BHXXH-CSYT ngày 14/11/2024.

- Dịch vụ kỹ thuật Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (bạc nitrat) điều chỉnh giá và mã tương đương như đề xuất của Bảo hiểm xã hội Việt Nam đề xuất với Bộ Y tế tại Công văn số 4167/BHXXH-CSYT ngày 14/11/2024.

2. Bổ sung giá các dịch vụ chưa ban hành trong Nghị quyết số 365/NQ-HĐND:

Mã kỹ thuật theo TT23/2024	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Giá Nghị quyết 415/NQ-HĐND
13.219	Lọc rửa tinh trùng	Lọc rửa tinh trùng	950,000
13.220	Bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI)	Bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI)	1,028,000
13.228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	233,000
BS_13.248	Cấy - tháo thuốc tránh thai	Cấy - tháo thuốc tránh thai	228,000